

Số: 63/2024/QĐCNHGT-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào Điều 32; 33; 34 và 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của chị Đặng Thị D –
Chủ hộ kinh doanh Đại Lý H và ông Lê Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đề ngày 08 tháng 7
năm 2024 của chị Đặng Thị D – Chủ hộ kinh doanh Đại Lý H.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc thỏa
thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Chị **Đặng Thị D**, sinh ngày: 02/11/1995 – Chủ hộ kinh
doanh Đại Lý H.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp 4 Cây Trôm, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh
năm: 1997

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện P, tỉnh T.

Theo Giấy ủy quyền đề ngày 12/6/2024.

- *Người bị kiện:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên
chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại
khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải
ngày 04 tháng 9 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa
giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi
nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2024, cụ thể như sau:

Ông Lê Văn Thành thừa nhận còn nợ chị Đặng Thị D – Chủ hộ kinh doanh Đại
Lý H số tiền mua bán tài sản (*Thức ăn nuôi tôm*) là 21.530.000 đồng (*Hai mươi một
triệu năm trăm ba chục nghìn đồng*). Ông Lê Văn T đồng ý có nghĩa vụ trả cho chị
Đặng Thị D – Chủ hộ kinh doanh Đại Lý H số tiền nợ mua bán tài sản (*Thức ăn nuôi
tôm*) là 21.530.000 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm ba chục nghìn đồng*). Thời gian
trả là ngày quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án có hiệu lực pháp luật
ngày 20/9/2024.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật
(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi

hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương